

CÔNG BỐ KHOA HỌC VỀ VĂN HÓA NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2000-2024: THỐNG KÊ VÀ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TỪ SCOPUS

Trần Thị Thanh Vân,
Nguyễn Thị Hương,
Nguyễn Thị Nhị⁺

Trường Đại học Sài Gòn
+Tác giả liên hệ • Email: ntnhi@sgu.edu.vn

Article history

Received: 03/4/2025

Accepted: 23/4/2025

Published: 05/7/2025

Keywords

School culture, bibliometrics,
VOSviewer, Scopus,
Bibliometrix

ABSTRACT

School culture is defined as the cultural environment in the school, or as the cultural nature of the teaching and learning environment. School culture is also considered a set of universally recognised basic principles in the school, which are applied to solve problems that arise in the organization when necessary, to ultimately adapt to external changes as well as create cohesion and integration within the school. This study provides extensive research insights into school culture, including authors, journals, countries and references using the Scopus database from 2000 to 2024 with 2900 studies on school culture. The researcher conducted a bibliometric analysis with the support of the Bibliometrix tool in Rstudio application and VOSviewer software. The analysis results are summarized through data tables and visualized with images. It is found out that the United States was the leading country in terms of publication volume, and the magazine “Teaching and Teacher Education” was the most prolific journal on school culture over the period in question. However, this study only exploits data from the Scopus database, so the analysis results may not cover all relevant published studies. Further studies can supplement data from other sources to increase the objectivity of the research results.

1. Mở đầu

Văn hóa nhà trường (VHNT) là những chuẩn mực, giá trị, niềm tin, truyền thống và nghi lễ được hình thành theo thời gian do con người làm việc cùng nhau, giải quyết các vấn đề và đối mặt với các thách thức,... định hình suy nghĩ, cảm xúc và hành động của con người trong nhà trường,... tạo cho nhà trường sự khác biệt (Peterson & Deal, 1998). Xây dựng VHNT là quá trình kế thừa và phát triển những giá trị văn hóa tích cực có trong nhà trường nhằm đưa nhà trường phát triển ổn định và đạt được mục đích giáo dục, hướng đến mục đích cao đẹp chính là hình thành những nét văn hóa đặc trưng cho nhà trường, từ các giá trị tinh thần lẫn các giá trị vật chất (Wagner, 2006). Mỗi trường học có những đặc trưng văn hóa riêng; tuy nhiên, theo Đặng Thành Hưng (2016), điểm chung của VHNT được thể hiện ở các nội dung như: văn hóa quản lý, văn hóa giảng dạy, văn hóa học tập, văn hóa quan hệ ứng xử xã hội trong nhà trường. Có thể thấy rằng, VHNT là giá trị cao nhất, kết dính tất cả những giá trị và truyền thống như gốc rễ của cây và trở thành linh hồn của nhà trường. VHNT có tác động đến mọi khía cạnh của nhà trường, VHNT có ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với chất lượng cuộc sống và hiệu quả hoạt động của nhà trường. Phát triển VHNT có ý nghĩa tích cực đối với HS, đối với GV và đối với lãnh đạo nhà trường. Do tầm quan trọng ngày càng tăng của việc xây dựng văn hóa trong các nhà trường, việc tổng hợp và phân tích các nghiên cứu trước đây là rất cần thiết. Khả năng tiếp cận dữ liệu thư mục và phần mềm thân thiện với người dùng đã dẫn đến sự gia tăng số lượng nghiên cứu trích lượng thư mục trong nhiều lĩnh vực khác nhau (Ellegaard & Wallin, 2015). Ở Việt Nam, một số nghiên cứu cũng đã sử dụng phương pháp trích lượng thư mục để tổng quan các nghiên cứu liên quan đến các lĩnh vực khác nhau (Nguyễn Duy Khánh, 2023). Tuy nhiên, xu hướng nghiên cứu về VHNT vẫn chưa được xem xét đến. Trong bài báo này, chúng tôi trình bày một số kết quả nghiên cứu tổng quan về xu hướng nghiên cứu VHNT trên thế giới giai đoạn 2000-2024 thông qua phân tích 2900 ấn phẩm được lấy từ cơ sở dữ liệu cốt lõi của Scopus, xem xét các tác giả, ấn phẩm, quốc gia, khu vực, tạp chí, từ khóa và chủ điểm nghiên cứu. Các câu hỏi nghiên cứu sau đây đã được giải quyết trong công trình này: (1) Số lượng xuất bản hiện tại và xu hướng liên quan đến lĩnh vực VHNT là gì?; (2) Có thể thu được những hiểu biết gì từ xu hướng lĩnh vực VHNT?; (3) Những quốc gia nào có ấn phẩm về VHNT có ảnh

hướng nhất?; (4) Tạp chí hàng đầu nào đăng bài về VHNT?; (5) Những chủ đề nào trong VHNT có tiềm năng nghiên cứu trong tương lai?.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích trắc lượng thư mục khoa học nhằm nhanh chóng nắm bắt xu hướng phát triển (Pritchard, 1969), cũng như các chủ điểm nghiên cứu của các lĩnh vực học thuật thông qua đánh giá định lượng và hệ thống hóa các tài liệu đã được xuất bản (Pham et al., 2021). Chúng tôi lựa chọn cơ sở dữ liệu Scopus làm nguồn tài liệu nghiên cứu sau khi đánh giá uy tín, độ phong phú thông tin và khả năng tương thích với các phần mềm phân tích trắc lượng thư mục khác nhau. Quy trình được thực hiện qua 5 giai đoạn. Cụ thể:

- *Giai đoạn 1. Thiết kế nghiên cứu:* Dựa trên mối quan tâm cũng như hướng nghiên cứu của nhóm tác giả, chúng tôi thảo luận, lựa chọn chủ đề, dự kiến một số câu hỏi liên quan đến chủ đề, tìm kiếm những nghiên cứu có liên quan để tìm khoảng trống nghiên cứu. Kết thúc giai đoạn này, chúng tôi lựa chọn được chủ đề nghiên cứu là “VHNT” giai đoạn 2020-2024” cũng như xác định được các câu hỏi nghiên cứu.

- *Giai đoạn 2. Thu thập dữ liệu:* Chúng tôi thực hiện việc thu thập dữ liệu thông qua tìm kiếm từ Scopus (<http://www.scopus.com>). Sử dụng cụm từ khóa chính là “school culture”. Chúng tôi bắt đầu tìm kiếm ở phần tóm tắt, từ khóa và tiêu đề, công bố toàn văn bằng tiếng Anh trên Scopus. Chuỗi truy vấn dữ liệu như sau:

TITLE-ABS-KEY ("school culture") AND PUBYEAR > 1999 AND PUBYEAR < 2025 AND (LIMIT TO (LANGUAGE , "English")) AND (LIMIT-TO (DOCTYPE , "ar") OR LIMIT TO (DOCTYPE , "ch") OR LIMIT-TO (DOCTYPE , "re") OR LIMIT TO (DOCTYPE , "bk") OR LIMIT-TO (DOCTYPE , "cp"))

Hộp 1. Từ khóa tìm kiếm dữ liệu trên Scopus về VHNT giai đoạn 2000-2024

Với câu lệnh tìm kiếm như trên, chúng tôi thu được 2934 ấn phẩm (dữ liệu được thu thập ngày 13/3/2025).

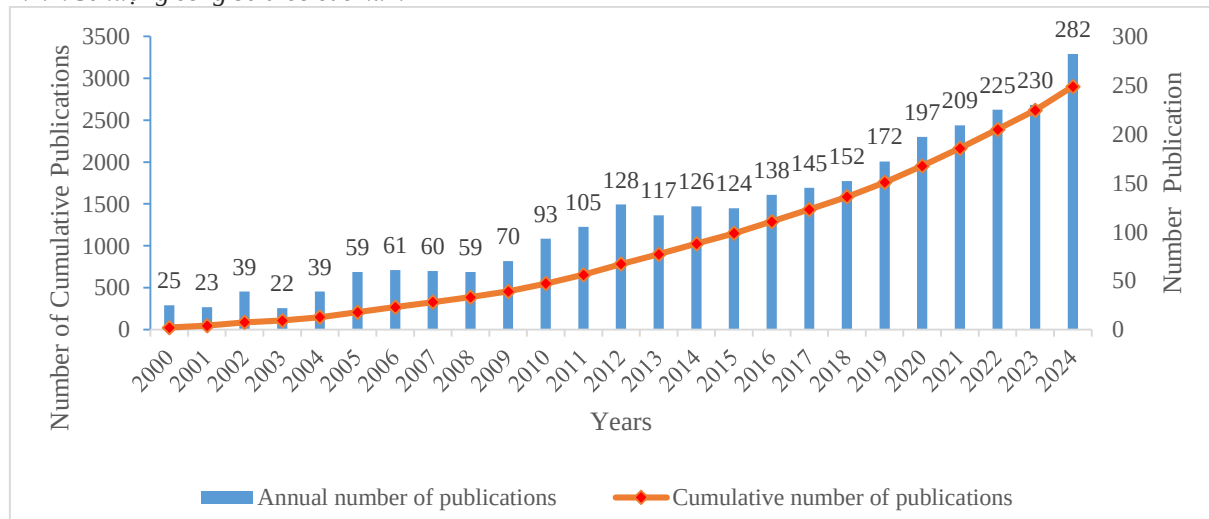
- *Giai đoạn 3. Phân tích dữ liệu:* Dựa trên kết quả ở giai đoạn 2, chúng tôi tiến hành đọc, lọc dữ liệu dựa trên tiêu đề, tóm tắt, từ khóa; chỉ chọn những ấn phẩm liên quan đến VHNT. Kết quả, chúng tôi giữ lại 2900 ấn phẩm để đưa vào phân tích.

- *Giai đoạn 4. Trực quan hóa dữ liệu:* Chúng tôi tiến hành phân tích ban đầu trên các công cụ do Scopus cung cấp để tải về các thông tin liên quan đến 2900 ấn phẩm dưới dạng tệp CSV và Bibtext, sau đó sử dụng công cụ Biblioshiny để phân tích và trực quan hóa dữ liệu về các ấn phẩm xuất bản giai đoạn 2020-2024; đồng thời liệt kê toàn bộ các ấn phẩm đã được xuất bản; VOSviewer để tạo và trực quan hóa các mạng thư mục.

- *Giai đoạn 5. Giải thích, bàn luận:* Chúng tôi tiến hành phân tích số liệu, bảng biểu, nội dung của 2900 ấn phẩm ở giai đoạn 4 và tìm kiếm câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra ở trên.

2.2. Kết quả và phân tích

2.2.1. Số lượng công bố theo các năm



Biểu đồ 1. Năng suất công bố theo năm về VHNT giai đoạn 2020-2024 trong cơ sở dữ liệu Scopus

Việc kiểm tra các tài liệu dựa trên năm xuất bản giúp nhà nghiên cứu quan sát mô hình phát triển và mức độ phổ biến của đối tượng nghiên cứu theo thời gian (Aria & Cuccurullo, 2017). Biểu đồ 1 cho thấy, lĩnh vực nghiên cứu về

VHNT có tốc độ phát triển khá nhanh, năm 2024 có số lượng xuất bản gấp hơn 10 lần so với năm 2000. Năng suất cao nhất quan sát được vào năm 2024, với tổng số 282 tài liệu và năng suất thấp nhất là vào những năm đầu của giai đoạn điều tra số liệu (năm 2000, năm 2001, năm 2003) với nghiên cứu xuất bản là 25, 23, 22. Điều này phản ánh VHNT với tư cách là một lĩnh vực nghiên cứu đang trở nên phổ biến trong giới học thuật và vẫn đang trong giai đoạn phát triển.

2.2.2. Số lượng xuất bản, trích dẫn của các quốc gia và mạng lưới cộng tác

Khám phá các xu hướng nghiên cứu ở các khu vực địa lý khác nhau có thể giúp chúng ta hiểu bản chất và phạm vi của vấn đề nghiên cứu, từ đó đưa ra các giải pháp tiềm năng (Chiu & Ho, 2007). Việc khám phá mạng lưới hợp tác của các quốc gia rất hữu ích trong việc xác định niềm tin chung, xây dựng chính sách và liên kết các dự án song phương và đa phương cũng như xác định quốc gia nào tham gia trao đổi kiến thức. Xét về chủ đề hiện tại, nghiên cứu về VHNT là trọng tâm của các nước phát triển và đang phát triển, trong khi các nước kém phát triển ở châu Phi và châu Mỹ Latinh chưa thật sự chú trọng. Hoa Kỳ đứng đầu danh sách các quốc gia có số lượng bài viết về chủ đề này với tổng số bài báo là 951, tiếp theo là Vương quốc Anh với 283 bài, Australia 259 bài. Ở châu Á, Trung Quốc, Indonesia đã tham gia vào lĩnh vực nghiên cứu này (bảng 1). Các tác giả Việt Nam quan tâm đến công bố VHNT trên các tạp chí quốc tế khá mới mẻ (các công bố xuất hiện từ năm 2021) và khá khiêm tốn về các công bố thuộc lĩnh vực này (có 6 công bố).

Bảng 1. Tổng hợp 10 quốc gia có số bài báo và số lượng trích dẫn nhiều nhất

STT	Quốc gia	Số bài báo	Quốc gia	Tổng số trích dẫn	Trích dẫn trung bình/bài báo
1	United States	951	United States	12954	24.00
2	United Kingdom	283	United Kingdom	4416	23.50
3	Australia	259	Australia	2605	15.90
4	Canada	127	Belgium	1949	50.00
5	Indonesia	107	Canada	1938	25.80
6	Turkey	90	Portugal	1106	46.10
7	Israel	76	Israel	1100	20.80
8	Finland	70	Finland	811	18.40
9	China	70	Hongkong	707	17.70
10	Spain	67	China	597	10.10

Về trích dẫn, Hoa Kỳ tiếp tục là quốc gia đứng đầu trong tổng xếp hạng trích dẫn (bảng 1), hầu hết các quốc gia được trích dẫn đều tham gia vào mạng lưới và hợp tác quan trọng với nhau. Canada có số lượng bài báo xuất bản đứng thứ tư, nhưng tổng số trích dẫn lại xếp thứ năm, trong khi đó Indonesia mặc dù có số lượng công bố đứng thứ năm, nhưng lại không nằm trong 10 quốc gia có số lượng trích dẫn nhiều nhất, điều này phản ánh chất lượng của các bài báo của các tác giả Indonesia.

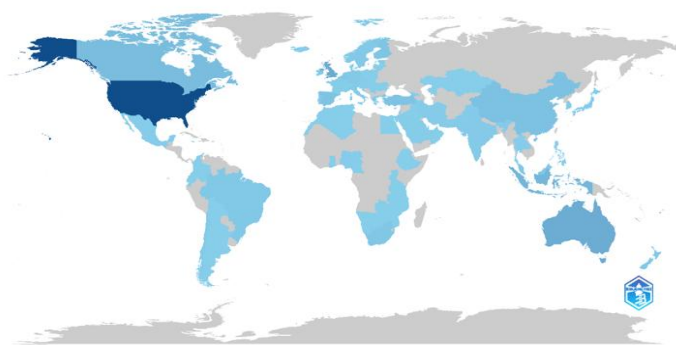
Country Scientific Production

Hình 2 cho thấy, nhiều khu vực, chẳng hạn như Trung Á và châu Phi, vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về VHNT. (Màu càng đậm thể hiện các quốc gia có mạng lưới cộng tác càng lớn).

Bên cạnh đó, 20 quốc gia có nhiều bài báo được xuất bản nhiều nhất và mô hình hợp tác giữa các quốc gia. 10 quốc gia hàng đầu bao gồm các quốc gia từ nhiều châu lục khác nhau như Trung Đông, Bắc Mỹ, châu Á và châu Âu. Các tác giả từ Hoa Kỳ có nhiều ấn phẩm hơn đáng kể so với các quốc gia khác, quốc gia có nhiều ấn phẩm thứ hai là Vương quốc Anh. Nghiên cứu cũng mô tả sự hợp tác quốc tế với MCP (ấn phẩm của nhiều quốc gia) cho biết số lượng bài báo có ít nhất một đồng tác giả từ một quốc gia khác; SCP (ấn phẩm của một quốc gia) cho biết số lượng bài báo có tất cả các tác giả đến từ cùng một quốc gia.

2.2.3. Các nguồn xuất bản chính và các công bố tiêu biểu về lĩnh vực văn hóa nhà trường

Có 2900 bài viết về VHNT trong cơ sở dữ liệu Scopus được trải rộng trên 1342 nguồn (tạp chí, sách, chương sách,...) thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Bảng 2 liệt kê 10 nguồn xuất bản chính về VHNT trong giai đoạn 2000-



Hình 2. Mạng lưới cộng tác giữa các nước

2024. Trong số các tạp chí dẫn đầu về số lượng bài báo, *Tạp chí Teaching and Teacher Education* xuất bản đứng đầu danh sách với 47 bài nghiên cứu, tiếp theo là *Tạp chí Teaching and Teacher Education* với 29 nghiên cứu. Trong đó Vương quốc Anh có 7 tạp chí, Thụy Sĩ có 2 tạp chí và Hoa Kỳ có 1 tạp chí.

Bảng 2. Danh sách 10 nguồn xuất bản chính về VHNT giai đoạn 2000-2024 trong cơ sở dữ liệu Scopus

TT	Tạp chí	Bài báo	Nhà xuất bản	Quốc gia	TT	Tạp chí	Bài báo	Nhà xuất bản	Quốc gia
1	Teaching and teacher education	47	Elsevier	United Kingdom	6	Education Sciences	20	Multidisciplinary Digital Publishing Institute	Switzerland
2	International Journal of Leadership in Education	29	Routledge	United Kingdom	7	Educational Management Administration and Leadership	20	SAGE Publications Ltd	United Kingdom
3	Frontiers in Education	26	Frontiers Media SA	Switzerland	8	Improving Schools	19	SAGE Publications Ltd	United Kingdom
4	Journal of Educational Administration	25	Emerald Group Publishing Ltd.	United Kingdom	9	International Journal of Educational Management	19	Emerald Group Publishing Ltd	United Kingdom
5	Teachers College Record	23	Teachers College Record	United States	10	International Journal of Inclusive Education	19	Routledge	United Kingdom

Dựa vào chỉ số trích dẫn của các công bố, chúng tôi đã xác định các công bố dữ liệu tiêu biểu nhất của các nhà khoa học về VHNT. Bảng 3 liệt kê 10 tài liệu có số lượng trích dẫn nhiều nhất. Đứng đầu danh sách này là tài liệu “A review of research on the impact of professional learning communities on teaching practice and student learning” của nhóm tác giả Vescio và cộng sự (2008) công bố trên Tạp chí *Teaching and Teacher Education*. Tài liệu được Scopus ghi nhận có 1325 lượt trích dẫn, với tổng số trích dẫn trên năm là 73.61. Nghiên cứu này trình bày tổng quan về 10 nghiên cứu của Hoa Kỳ và một nghiên cứu của Anh về tác động của cộng đồng học tập đối với hoạt động giảng dạy và việc học của sinh viên (Vescio et al., 2008). Kết quả chung của các nghiên cứu này cho thấy rằng cộng đồng học tập phát triển tốt có tác động tích cực đến cả hoạt động giảng dạy và thành tích của sinh viên. Các hàm ý của nghiên cứu này và các đề xuất cho các bước tiếp theo trong nỗ lực ghi chép lại tác động của cộng đồng học tập đối với việc giảng dạy và học tập được đưa vào.

Bảng 3. Danh sách 10 tài liệu tiêu biểu nghiên cứu về VHNT giai đoạn 2000-2024 trong cơ sở dữ liệu Scopus

STT	Tác giả	Tiêu đề	Năm	Tạp chí	Lượt trích dẫn
1	Vescio và cộng sự	A review of research on the impact of professional learning communities on teaching practice and student learning	2008	Teaching and Teacher Education	1325
2	Ertmer và Ottenbreit-Leftwich	Teacher technology change: How knowledge, confidence, beliefs, and culture intersect	2010	Journal of Research on Technology in Education	1189
3	Flores và Day	Contexts which shape and reshape new teachers' identities: A multi-perspective study	2006	Teaching and Teacher Education	893
4	Kelchtermans và Ballet	The micropolitics of teacher induction. A narrative-biographical study on teacher socialisation	2002	Teaching and Teacher Education	508
5	Spillane	Distributed leadership	2005	Educational Forum	474
6	Torney-Purta	The school's role in developing civic engagement: A study of adolescents in twenty-eight countries	2002	Applied Developmental Science,	427
7	Simon và Johnson	Teacher turnover in high-poverty schools: What we know and can do	2015	Teachers College Record	345
8	MacNeil và cộng sự	The effects of school culture and climate on student achievement	2009	International Journal of Leadership in Education	318

9	Friend và cộng sự	Co-teaching: An illustration of the complexity of collaboration in special education	2010	Journal of Educational and Psychological Consultation	317
10	Riehl	The principal's role in creating inclusive schools for diverse students: A review of normative, empirical, and critical literature on the practice of educational administration	2000	Review of Educational Research	312

2.2.4. Phân tích từ khóa và thuật ngữ

100 từ khóa phổ biến nhất trong bộ sưu tập ảnh phẩm được trình bày trong hình 3, trong đó tần suất cao hơn dẫn đến kích thước phông chữ lớn hơn. Theo đó, xu hướng của các nghiên cứu đã công bố tập trung vào các thuật ngữ như: human (con người), adult (người lớn), student (HS, sinh viên), education (giáo dục),...

Một phân tích sâu hơn đã được tiến hành về sự đồng hiện của 214 từ khóa của tác giả xuất hiện ít nhất mười lần trong bộ sưu tập. Mỗi nút biểu thị một từ khóa (hoặc chủ đề) và độ dày của các đường giữa hai nút biểu thị cường độ mối quan hệ giữa chúng, được xác định bởi tần suất chúng xuất hiện cùng nhau

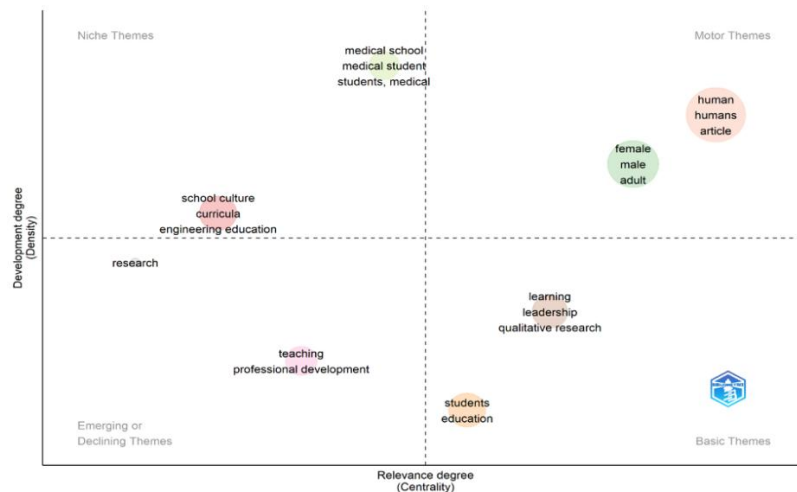
trong các bài báo đã xuất bản. 214 từ khóa tác giả thường xuyên nhất được phân loại thành 5 cụm khác nhau được mã hóa bằng các màu khác nhau. Các cụm đại diện cho các từ khóa có liên quan và phổ biến nhất trong lĩnh vực VHNT. Chẳng hạn, trong chủ đề “các yếu tố của VHNT”, các từ khóa chính như lãnh đạo, hệ thống học tập, nghiên cứu bài học, công nghệ thông tin và truyền thông,...

2.2.5. Sự phát triển và bản đồ chủ đề nghiên cứu

Một bản đồ chuyên đề cho phép hình dung bốn loại chủ đề khác nhau. Góc phần tư trên bên phải cho thấy các chủ đề vận động được đặc trưng bởi cả tính tập trung cao và mật độ cao. Do đó, các chủ đề vận động rất quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu. Góc phần tư trên bên trái được đặc trưng bởi mật độ cao nhưng tính tập trung thấp. Các chủ đề này là các chủ đề phát triển cao và biệt lập. Các chủ đề mới nổi hoặc đang suy giảm nằm ở góc phần tư dưới bên trái và cuối cùng, các chủ đề cơ bản và chủ đề ngang nằm ở góc phần tư dưới bên phải. Lưu ý rằng chỉ có bốn từ khóa thường gặp nhất được trình bày trong mỗi nút trong hình 4. Các nghiên cứu liên quan đến phát triển chuyên môn GV được xác định là các chủ đề mới nổi. Lãnh đạo, giáo dục, học tập, sinh viên được xác định là những chủ đề cơ bản và xuyên suốt.



Hình 3. 100 từ khóa phổ biến nhất



Hình 4. Các chủ đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực VHNT giai đoạn 2000-2024 trong cơ sở dữ liệu Scopus

Trong 2900 ấn phẩm về VHNT từ cơ sở dữ liệu Scopus trong giai đoạn 2000 đến 2024, có 6 ấn phẩm của các tác giả người Việt Nam (năm 2024 có 3 ấn phẩm, các năm 2023, 2022, 2021 mỗi năm có 1 ấn phẩm), các tác giả Việt Nam cũng như các công bố tương ứng chưa thuộc các tác giả có năng suất cũng như công bố tiêu biểu. Mặc dù việc tìm kiếm chưa được thực hiện một cách quy mô, tuy nhiên với kết quả ban đầu, chúng tôi cho rằng các nhà khoa học ở Việt Nam cần có nhiều hơn những nghiên cứu sâu hơn về VHNT và tăng cường xuất bản quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay ở Việt Nam. Từ những xu hướng nghiên cứu được đề cập về sự phát triển và bản đồ chủ đề nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng, cần có những nghiên cứu về tầm quan trọng, vai trò của VHNT trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cũng như trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay tại Việt Nam. Các nhà nghiên cứu ở Việt Nam có thể thực hiện nghiên cứu định tính, định lượng nhằm làm sáng tỏ vai trò, ý nghĩa của văn hóa trong nhà trường góp phần thúc đẩy phát triển chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục.

3. Kết luận

Việc nghiên cứu toàn diện các ấn phẩm trong lĩnh vực VHNT là rất cần thiết nhằm xác định một số khía cạnh của vấn đề chưa được nghiên cứu hoặc có thể được khám phá sâu hơn. Với sự hỗ trợ của công cụ Bibliometrix trong ứng dụng Rstudio và phần mềm VOSviewer, bài báo này đã trình bày một phân tích toàn diện và hệ thống về tài liệu liên quan đến VHNT, đồng thời cũng tạo nền tảng cho các nghiên cứu trong tương lai bằng cách cung cấp một cái nhìn định lượng và hình ảnh, cũng như thảo luận về các kết quả đã được công bố về VHNT. Điều đáng chú ý là đã có sự gia tăng rõ rệt về số lượng các ấn phẩm về VHNT trong những năm gần đây. Các tác giả và tổ chức đóng góp hàng đầu trên thế giới là Hoa Kỳ với nhiều công bố nghiên cứu nhất, theo sau là Vương quốc Anh, các quốc gia đang phát triển thực hiện ít nghiên cứu hơn. Các tạp chí và nhà xuất bản hàng đầu về số lượng trích dẫn thuộc chủ đề VHNT, bao gồm các nghiên cứu liên quan về người học (người lớn, sinh viên, HS), về người dạy (giảng viên, GV), về phát triển chuyên môn của GV trong nhà trường, về hoạt động học tập cộng đồng,... những vấn đề này được xác định thông qua phân tích đồng xuất hiện từ khóa. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn hạn chế do nguồn ấn phẩm chỉ giới hạn trong cơ sở dữ liệu của Scopus và chỉ bao gồm các ấn phẩm bằng tiếng Anh, nên việc tìm kiếm từ khóa có thể không tìm ra tất cả các bài báo liên quan bằng các ngôn ngữ khác. Các nghiên cứu theo sau có thể tiếp tục hoàn thiện điểm yếu này để quá trình phân tích xu hướng nghiên cứu về VHNT được toàn diện hơn.

Tài liệu tham khảo

- Aria, M., & Cuccurullo, C. (2017). bibliometrix: An R-tool for comprehensive science mapping analysis. *Journal of Informetrics*, 11(4), 959-975.
- Chiu, W.-T., & Ho, Y.-S. (2007). Bibliometric analysis of tsunami research. *Scientometrics*, 73, 3-17. <https://doi.org/10.1002/leap.1381>
- Đặng Thành Hưng (2016). Văn hóa tổ chức và văn hóa nhà trường trong quản lý giáo dục. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 124, 10-12.
- Ellegaard, O., & Wallin, J. A. (2015). The bibliometric analysis of scholarly production: How great is the impact? *Scientometrics*, 105(3), 1809-1831. <https://doi.org/10.1007/s11192-015-1645-z>
- Nguyễn Duy Khánh (2023). Tổng quan văn hoá tổ chức qua phân tích trắc lượng thư mục bằng VOSviewer. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 311(2), 87-98. <https://doi.org/10.33301/jed.vi.1206>
- Peterson, K. D., & Deal, T. E. (1998). How leaders influence the culture of schools. *Educational Leadership*, 56(1), 28-30. <https://doi.org/10.3726/978-1-4539-1799-2/40>
- Pham, D. B., Tran, T., Le, H. T. T., Nguyen, N. T., Cao, H. T., & Nguyen, T. T. (2021). Research on Industry 4.0 and on key related technologies in Vietnam: A bibliometric analysis using Scopus. *Learned Publishing*, 34(3), 414-428. <https://doi.org/10.1002/leap.1381>
- Pritchard, A. (1969). Statistical bibliography or bibliometrics. *Journal of Documentation*, 25, 348.
- Vescio, V., Ross, D., & Adams, A. (2008). A review of research on the impact of professional learning communities on teaching practice and student learning. *Teaching and Teacher Education*, 24(1), 80-91. <https://doi.org/10.1016/j.tate.2007.01.004>
- Wagner, C. R. (2006). The school leader's tool for assessing and improving school culture. *Principal Leadership*, 7(4), 41-44.